

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

***** (3030) *****

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CẤP XÃ CÓ SỰ
THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ÁP DỤNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH



Tháng 6 năm 2008

GIỚI THIỆU

I. Sự cần thiết phải xây dựng quy trình lập kế hoạch có sự tham gia.

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt chiến lược toàn diện về tăng trưởng xoá đói giảm nghèo, trong đó nêu rõ: “Chính phủ Việt Nam coi vấn đề xoá đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước. Xoá đói giảm nghèo là yếu tố cơ bản để đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng bền vững. Chỉ có tăng trưởng cao và bền vững mới có sức mạnh vật chất để hỗ trợ và tạo cơ hội vươn lên thoát khỏi đói nghèo...”. Để thực hiện xoá đói giảm nghèo không phải chỉ có sự nỗ lực của Nhà nước, xã hội mà trước hết là bản thân của mỗi một người dân; chính người dân phải tự vươn lên để thoát nghèo.

Từ trước đến nay, công tác lập kế hoạch phát triển KTXH ở cấp xã còn mang tính hình thức. Do chưa được thể chế hoá nội dung và phương pháp xây dựng kế hoạch từ cấp cơ sở nên các báo cáo kế hoạch năm của cấp xã chưa phản ánh đầy đủ các nội dung hoạt động KTXH của xã. Người dân chưa được tham gia vào các hoạt động này và thiếu thông tin về các bản kế hoạch cũng như nguồn ngân sách hiện có.

Công tác lập kế hoạch phải đảm bảo sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xác định yêu cầu, mục tiêu, tổ chức quản lý, thực hiện và kiểm tra, trong đó người dân đóng vai trò chủ động và tự quyết định quyền lợi liên quan trực tiếp đến cộng đồng địa phương. Chính quyền các cấp đóng vai trò hướng dẫn, tạo điều kiện để người dân tham gia lựa chọn các quyết định đầu tư liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ. Qua các kết quả nghiên cứu của các dự án xoá đói giảm nghèo có sự tham gia của cộng đồng dân cư, đã rút ra những kết luận về vai trò của việc lập kế hoạch cấp xã có sự tham gia như sau:

- Đầu tư có hiệu quả hơn do có sự lựa chọn mục tiêu chính xác, đối tượng đầu tư hợp với nguyện vọng của dân, vì vậy huy động được tối đa nguồn lực tại chỗ.

- Thông qua phân cấp, trao quyền cấp xã đã từng bước đảm nhận được các công việc mà trước đây còn hạn chế; đồng thời trình độ của cán bộ ngày càng được nâng cao, tăng tính chủ động, giảm tư tưởng ỷ lại của cấp xã.

- Người dân được tham gia, tính trách nhiệm và nghĩa vụ của họ được nâng cao, công trình được duy tu, bảo dưỡng tốt hơn; Sự gắn bó, đoàn kết trong cộng đồng tốt hơn.

- Các chương trình dự án quy mô càng nhỏ càng cần có sự tham gia của người dân trong công tác lập kế hoạch và càng có nhiều người được hưởng lợi hơn. Các dịch vụ đến được trực tiếp với người nghèo đã tạo đà cho phát triển sản xuất nông nghiệp, giao lưu hàng hoá nông sản, rút ngắn thời gian đi lại đã làm tăng thu nhập cho người dân vì vậy việc xoá đói giảm nghèo có tiến bộ rõ rệt và tính bền vững cao.

Để công tác lập kế hoạch phát triển KTXH ở cấp xã thực sự có hiệu quả, cần có qui trình xây dựng kế hoạch phát triển KTXH hướng đến người dân một cách dân chủ, đáp ứng tốt hơn đối với các nhu cầu của địa phương, các dịch vụ và hoạt động đầu tư sẽ hợp nguyện vọng hơn đối với người dân. Với lý do trên, năm 2007 và đầu năm 2008, Dự án Hợp tác kỹ thuật Việt Đức “Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung” đã hỗ trợ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai công tác lập kế hoạch có sự tham gia tại 81 xã thuộc 7 huyện, thành phố. Trên cơ sở triển khai thí điểm, Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình đã đúc rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có sự tham gia tại cấp xã. Đến nay, UBND tỉnh đã ký Quyết định cho triển khai áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh từ việc xây dựng kế hoạch KTXH năm 2009.

II. Mục đích của việc ban hành quy trình lập kế hoạch tại cấp xã có sự tham gia của cộng đồng:

- Giúp cho các cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cấp xã hiểu biết một cách có hệ thống về mục tiêu, nội dung, quy trình lập kế hoạch có sự tham gia để có sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác lập kế hoạch hàng năm.

- Trang bị cho các cán bộ làm công tác lập kế hoạch ở các cấp nắm rõ qui trình các bước thực hiện lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có sự tham gia của cộng đồng, để thực hiện nền việc xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm có hệ thống theo quy trình đã ban hành, nhằm đáp ứng nhu cầu và tăng tính hiệu quả cho công tác lập kế hoạch hàng năm.

- Thực hiện việc đổi mới công tác kế hoạch hoá trong giai đoạn hiện nay.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại cấp xã có sự tham gia của cộng đồng, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 1745/ QĐ-UBND ngày 30/7/2007 của UBND tỉnh về phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật: Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung (giai đoạn II);

Trên cơ sở kết quả áp dụng thí điểm việc lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thôn, xã có sự tham gia của cộng đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện thí điểm trên địa bàn các huyện trong thời gian qua;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 456/KHĐT-TH ngày 16 tháng 5 năm 2008;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại cấp xã có sự tham gia của cộng đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội từ năm 2009.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thống kê; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân

các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KH&ĐT;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

NGUYỄN HỮU HOÀI

QUY TRÌNH

**Lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại cấp xã
có sự tham gia của cộng đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1309 /QĐ-UBND ngày 17/ 6 /2008 của
UBND tỉnh Quảng Bình)*

A. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Cấp huyện, cấp xã: Cấp huyện trong quy trình này bao gồm các huyện, thành phố; Cấp xã bao gồm các xã, phường, thị trấn; Thôn bao gồm: thôn, làng, bản, tiểu khu.

2. Lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (KTXH) có sự tham gia.

- Lập kế hoạch phát triển KTXH có sự tham gia: là quá trình người dân tham gia vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho thôn, góp phần vào quá trình xây dựng kế hoạch phát triển KTXH của cấp xã, cấp huyện.

- Lập kế hoạch thôn: là quá trình người dân tham gia vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho thôn.

- Lập kế hoạch cấp xã: là quá trình xây dựng kế hoạch phát triển KTXH ở cấp xã có sự tổng hợp và điều chỉnh kế hoạch từ thôn.

- Lập kế hoạch cấp huyện: là quá trình xây dựng kế hoạch phát triển KTXH ở cấp huyện có sự tổng hợp và điều chỉnh từ kế hoạch cấp xã.

3. Kế hoạch trung hạn: Bao gồm các mục tiêu phát triển KTXH, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, các chương trình, dự án và các giải pháp để thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong thời gian 3-5 năm.

4. Kế hoạch hàng năm: Bao gồm các mục tiêu phát triển KTXH, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, các chương trình, dự án và các giải

pháp để thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong thời gian 1 năm, để từng bước đạt mục tiêu của kế hoạch trung hạn.

5. Kế hoạch mục tiêu: Là những chỉ tiêu mà cộng đồng và các cấp mong muốn đạt được trong kỳ kế hoạch.

6. Kế hoạch hoạt động: Là những hoạt động cụ thể cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra. Các hoạt động phải có khối lượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm cụ thể của các bên tham gia.

Kế hoạch hoạt động của thôn bao gồm:

- Danh mục các hoạt động gồm: các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công, các hoạt động mang tính xây dựng, sửa chữa nhỏ.

- Phải có tỷ lệ đóng góp của người dân trong thôn để thực hiện các hoạt động.

7. Giao kế hoạch: Trên cơ sở các chỉ tiêu đã được xác lập cũng như khả năng cân đối, huy động các nguồn lực để các cấp ra quyết định hay thông báo giao kế hoạch cho cấp dưới triển khai thực hiện.

8. Thực hiện kế hoạch và giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch: Là quá trình các cấp tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trên cơ sở đó các cấp tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của cấp mình về kết quả đạt được, tiến độ và chất lượng các hoạt động đã triển khai. Mỗi năm tiến hành đánh giá 2 lần (6 tháng đầu năm và cả năm).

B. MỤC TIÊU CỦA SỰ THAM GIA TRONG CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH CẤP XÃ.

1. Tăng cường dân chủ cấp cơ sở, tạo sự gắn bó, đoàn kết cộng đồng.
2. Huy động tối đa nguồn lực tại chỗ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

3. Nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư và dịch vụ công.
4. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính chủ động của chính quyền cơ sở, giảm tư tưởng trông chờ, ỷ lại.
5. Tạo sự gắn bó, đoàn kết trong cộng đồng.
6. Tạo chuyển biến tích cực trong quan điểm đổi mới công tác kế hoạch hoá ở các cấp. Tăng cường việc phân cấp, trao quyền cho cơ sở.
7. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng phát triển bền vững gắn với xoá đói giảm nghèo.

C. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH CÓ SỰ THAM GIA.

1. Bước 1: Công tác chuẩn bị lập kế hoạch ở các cấp.

- Sau khi nhận được Chỉ thị của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc xây dựng kế hoạch hàng năm và công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện có văn bản chỉ đạo các phòng, ban và UBND cấp xã với những nội dung sau:

- + Nội dung xây dựng kế hoạch
- + Phương pháp xây dựng kế hoạch
- + Phân công trách nhiệm
- + Tiến độ thực hiện
- *Chuẩn bị các tài liệu có liên quan:*

- + Tài liệu hướng dẫn quy trình lập kế hoạch KTXH có sự tham gia.
- + Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm các cấp, quy hoạch phát triển KTXH của cấp huyện.
- + Kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và kế hoạch năm đang thực hiện.
- + Các thông tin về nguồn lực: khả năng nguồn vốn của cấp xã (quỹ đất để lại; vốn sự nghiệp kinh tế...), ngân sách sẽ được hỗ trợ; các chương

trình, dự án sẽ thực hiện trên địa bàn trong năm lập kế hoạch và các nguồn vốn khác.

+ Thống kê số liệu thực hiện qua các năm.

+ Dự thảo báo cáo kế hoạch phát triển KTXH của cấp xã, cấp huyện năm sau (bao gồm phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm nay và kế hoạch năm sau).

- *Trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và báo cáo:* Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và cán bộ lập kế hoạch cấp xã.

Đối với các thôn: Trưởng thôn chuẩn bị các tài liệu cơ bản, các yêu cầu phát triển của cộng đồng dân cư của thôn để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch. Ngoài các tài liệu trên, UBND cấp xã cần cung cấp thêm cho Trưởng thôn các thông tin về mục tiêu, định hướng và khả năng các nguồn lực của cấp xã sắp đến.

2. Bước 2: Xây dựng kế hoạch thôn có sự tham gia

Đầu vào:

- Các tài liệu ở giai đoạn chuẩn bị.

- Kết quả làm PRA (đánh giá nông thôn có sự tham gia) và VDP (kế hoạch phát triển thôn, bản) trong kỳ kế hoạch (nếu có).

Đầu ra:

- Bản kế hoạch của thôn gồm: các chỉ tiêu KTXH của thôn (nếu có); bảng danh mục các hoạt động dịch vụ và công trình xây dựng cơ bản (XD CB) ưu tiên của thôn.

Cách tổ chức họp thôn:

- *Chủ trì:* Trưởng thôn

- *Thành phần tham gia:* Trưởng thôn, đại diện cấp uỷ, chi hội nông dân, chi hội phụ nữ, chi đoàn thanh niên, đại diện các hộ gia đình có kinh nghiệm và có khả năng tham gia tốt trong xây dựng kế hoạch.

- *Tài liệu hội thảo được phát cho các đại biểu gồm:* Bản dự thảo kế hoạch của thôn năm sau trình lên cấp xã và các tài liệu hướng dẫn khác.

- *Cách tiến hành:*

+ Trưởng thôn quán triệt mục đích, nội dung của việc lập kế hoạch có sự tham gia và trình bày báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và dự kiến kế hoạch phát triển năm tới của thôn (theo hệ thống biểu mẫu đã hướng dẫn).

+ Hội nghị tiến hành thảo luận, góp ý kiến: Các đại biểu tham gia họp chung, cần thảo luận dân chủ. Nội dung thảo luận phải trọng tâm theo đặc thù của từng thôn và giải quyết được các vấn đề sau:

* Thống nhất được kế hoạch của thôn cả về chỉ tiêu KTXH (nếu có), các hoạt động, số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện, trách nhiệm của thôn bản trong từng chỉ tiêu.

* Thống nhất được danh mục các công trình xây dựng cơ bản và hoạt động dịch vụ công của thôn được xếp theo thứ tự ưu tiên; số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện, trách nhiệm của thôn trong từng công trình; vốn đầu tư, trong đó cần đề xuất phần vốn hỗ trợ và vốn cam kết đóng góp của dân.

* Một số đề xuất khác của dân nhằm hoàn thiện bản kế hoạch .

+ Chủ trì hội nghị kết luận.

+ Trên cơ sở ý kiến tham gia và kết luận hội nghị, Trưởng thôn cử cán bộ chịu trách nhiệm hoàn thiện bản kế hoạch để trình UBND cấp xã.

3. Bước 3: Lập kế hoạch phát triển KTXH cấp xã có sự tham gia.

Đầu vào:

- Bảng tổng hợp kế hoạch năm sau của các thôn: các chỉ tiêu KTXH của thôn (nếu có); bảng danh mục các hoạt động dịch vụ và công trình XD/CB ưu tiên của thôn.

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm của cấp xã.

- Các tài liệu ở giai đoạn chuẩn bị.

Đầu ra: Bản kế hoạch phát triển KTXH chính thức của cấp xã trình lên cấp huyện.

Cách tổ chức cuộc họp cấp xã:

- *Chủ trì:* Chủ tịch UBND cấp xã.
- *Thành phần tham gia:* Các phó Chủ tịch UBND, đại diện cấp uỷ, HĐND, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Mặt trận TQ, cán bộ kế hoạch, một số cán bộ chuyên trách khác của cấp xã và tất cả các trường thôn.
- *Tài liệu hội thảo được phát cho các đại biểu gồm:* Bản dự thảo kế hoạch phát triển KTXH năm sau của cấp xã trên cơ sở tổng hợp kế hoạch từ các thôn, tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch có sự tham gia và các tài liệu khác.
- *Nội dung cuộc họp:* Góp ý để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; xác định danh mục các hoạt động ưu tiên.
- *Cách tiến hành:*
 - + Chủ tịch UBND cấp xã quán triệt mục đích, nội dung của việc lập kế hoạch có sự tham gia.
 - + Lãnh đạo UBND cấp xã đọc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm tới của cấp xã (theo bố cục và hệ thống biểu mẫu đã hướng dẫn).
 - + Hội nghị thảo luận, góp ý kiến về hệ thống các chỉ tiêu và bỏ phiếu chấm điểm để lựa chọn các danh mục công trình XDCCB, các hoạt động dịch vụ công ưu tiên trong kế hoạch năm tới. Các đại biểu tham gia cần thảo luận dân chủ, nội dung thảo luận phải trọng tâm theo đặc thù của từng địa bàn và giải quyết được các vấn đề sau:
 - * Thảo luận chung để thống nhất được kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cấp xã cả về danh mục sản phẩm, các hoạt động, số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện, trách nhiệm của cấp xã trong từng danh mục sản phẩm và các hoạt động.
 - * Thảo luận riêng theo hình thức chia tổ (3-4 tổ) và tiến hành bỏ phiếu, chấm điểm để thống nhất lựa chọn được danh mục các công trình đầu tư trên địa bàn xã xếp theo thứ tự ưu tiên; thống nhất danh mục dịch vụ công của cấp xã; số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện; xác định trách nhiệm của cấp xã trong từng công trình; vốn đầu tư, trong đó cần đề xuất nguồn

vốn hỗ trợ từ cấp trên; vốn ngân sách cấp xã; vốn cam kết đóng góp của dân và các nguồn vốn khác (nếu có).

* Một số đề xuất khác của đại biểu nhằm hoàn thiện bản kế hoạch và các giải pháp thực hiện.

+ Chủ trì hội nghị kết luận.

+ Trên cơ sở ý kiến tham gia và kết luận hội nghị, cán bộ lập kế hoạch cấp xã chịu trách nhiệm hoàn thiện bản kế hoạch dự thảo để trình UBND xã, UBND cấp xã trình lên UBND cấp huyện.

4. Bước 4: Lập kế hoạch phát triển KTXH cấp huyện có sự tham gia.

Đầu vào:

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn lập kế hoạch và hướng dẫn phân bổ nguồn lực của tỉnh; Các tài liệu ở giai đoạn chuẩn bị.

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm của cấp huyện.

- Bản tổng hợp kế hoạch KTXH năm sau của cấp xã và các phòng, ban chuyên môn của cấp huyện; các đơn vị đóng trên địa bàn.

Đầu ra: Bản kế hoạch phát triển KTXH chính thức năm sau của cấp huyện trình lên tỉnh.

Cách tổ chức cuộc họp cấp huyện:

- *Chủ trì cuộc họp:* Chủ tịch UBND cấp huyện.

- *Thành phần tham gia:*

+ Cấp huyện: Các phó Chủ tịch UBND, các phòng ban chuyên môn, đại diện HĐND, Văn phòng huyện uỷ (thành uỷ), Văn phòng UBND, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội khác của huyện.

+ Cấp xã: Chủ tịch UBND và cán bộ lập kế hoạch.

- *Tài liệu hội thảo được phát cho các đại biểu gồm:* bản dự thảo kế hoạch phát triển KTXH năm sau của cấp huyện trên cơ sở tổng hợp từ cấp xã, các ngành liên quan và các tài liệu hướng dẫn khác.

- *Nội dung:* Góp ý để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp huyện; xác định danh mục các hoạt động ưu tiên.

- *Cách tiến hành:*

+ Chủ tịch UBND cấp huyện quán triệt mục đích, nội dung của việc lập kế hoạch có sự tham gia.

+ Lãnh đạo UBND cấp huyện đọc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm nay và dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm tới của cấp huyện (theo hệ thống biểu mẫu hướng dẫn).

+ Hội nghị thảo luận, góp ý kiến về tính sát thực của những đánh giá thực hiện kế hoạch năm nay, sự phù hợp của các chỉ tiêu KTXH đã đề ra cho năm sau và đề xuất phương án lựa chọn các danh mục dự án, các hoạt động ưu tiên. Các đại biểu tham gia cần thảo luận dân chủ. Nội dung thảo luận phải trọng tâm theo đặc thù của từng địa bàn và giải quyết được các vấn đề sau:

* Thảo luận chung để thống nhất được các chỉ tiêu kế hoạch KTXH năm sau của cấp huyện cả về danh mục sản phẩm, các hoạt động, các giải pháp, trách nhiệm của cấp huyện trong các hoạt động.

* Thống nhất lựa chọn được danh mục các dự án đầu tư năm tới trên địa bàn cấp huyện xếp theo thứ tự ưu tiên; thống nhất danh mục dịch vụ công của cấp huyện; số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện; vốn đầu tư, trong đó cần xác định rõ nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên, vốn ngân sách cấp cấp huyện; vốn ngân sách cấp xã và vốn đóng góp của dân; và các nguồn vốn khác (nếu có).

* Một số đề xuất khác của đại biểu nhằm hoàn thiện bản kế hoạch và các giải pháp thực hiện.

+ Chủ trì hội nghị kết luận.

+ Trên cơ sở ý kiến tham gia và kết luận hội nghị, Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện chịu trách nhiệm hoàn thiện bản kế hoạch dự thảo để trình UBND huyện, UBND huyện trình HĐND cấp huyện thông qua để trình lên Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh.

5. Bước 5: Phê duyệt, thông báo giao kế hoạch cho các cấp.

a. Đối với cấp huyện:

- Thời điểm giao kế hoạch: Tỉnh giao kế hoạch cho cấp huyện vào cuối tháng 12 của năm đang thực hiện kế hoạch.

- Sau khi nhận được các chỉ tiêu kế hoạch từ cấp tỉnh, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho UBND cấp huyện phân bổ, giao chỉ tiêu kế hoạch cho cấp xã và các đơn vị trực thuộc.

b. Đối với cấp xã:

- Thời điểm giao kế hoạch: UBND cấp huyện giao kế hoạch cho cấp xã vào giữa tháng 1 năm sau.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch được cấp huyện giao, căn cứ khả năng huy động vốn đầu tư của cấp xã và của dân để đóng góp cho các công trình. Tùy theo khả năng có thể đặt chỉ tiêu phấn đấu vượt so với mức chỉ tiêu được giao mà từ đó UBND cấp xã chỉ đạo hoàn chỉnh lại bản kế hoạch KTXH chính thức năm sau của cấp mình trình lên HĐND cấp xã thông qua để thực hiện.

- Sau khi được HĐND cấp xã thông qua, UBND cấp xã phải thông báo bản kế hoạch phát triển KTXH đến các thôn để tổ chức thực hiện.

Thời gian thông báo đến các thôn: cuối tháng 1 năm sau.

D. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

1. Đối với UBND cấp xã:

- Hàng năm UBND cấp xã tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch của cấp mình 2 lần, lần thứ nhất tiến hành đánh

giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm (vào lúc tiến hành lập kế hoạch phát triển KTXH năm sau lần thứ nhất) và lần thứ 2 đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch cả năm (vào cuối năm khi xây dựng kế hoạch phát triển KTXH lần thứ hai).

- Nội dung: đánh giá về tiến độ và chất lượng các hoạt động đã triển khai; đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao; so sánh các chỉ tiêu đạt được với kế hoạch và thực hiện năm trước; đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ; và đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế đó để hoàn thành tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện của UBND cấp xã theo định kỳ phải gửi lên UBND cấp huyện để giám sát, theo dõi.

2. Đối với cấp huyện:

Trên cơ sở các báo cáo của cấp xã và tình hình chung của toàn huyện, Phòng Tài chính Kế hoạch chịu trách nhiệm tổng hợp, phân tích và phối hợp với các phòng ban chuyên môn để tham mưu cho UBND cấp huyện xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của toàn huyện trong năm. Hàng năm tiến hành đánh giá 2 lần: lần thứ nhất tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm (vào lúc tiến hành lập kế hoạch phát triển KTXH năm sau) và lần thứ 2 đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch cả năm (vào cuối năm khi xây dựng kế hoạch phát triển KTXH).

E. Tổ chức thực hiện kế hoạch

I. Tiến độ thực hiện kế hoạch:

- Báo cáo kế hoạch năm sau của cấp thôn nộp cho cấp xã: trước ngày 20/6.

- Báo cáo kế hoạch năm sau của cấp xã nộp cho cấp huyện: trước ngày 5/7.

- Báo cáo kế hoạch năm sau của cấp huyện nộp cho tỉnh: trước ngày 20/7.

II. Trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các cấp:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm triển khai và hướng dẫn quy trình này đến UBND cấp huyện, cấp xã để áp dụng vào việc xây dựng kế hoạch phát triển KTXH hàng năm. Thường xuyên kiểm tra việc lập kế hoạch trên các địa bàn để có sự chỉ đạo thống nhất.

2. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch KTXH có sự tham gia tại địa phương mình; hướng dẫn, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện theo đúng quy trình này của cấp xã, thôn trên địa bàn; hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn trong việc xây dựng kế hoạch trên từng địa bàn nhằm đạt hiệu quả cao. Có sự phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư để việc triển khai lập kế hoạch đạt hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

3. UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch KTXH tại địa phương mình, đảm bảo các nguồn vốn trên từng địa bàn được lồng ghép có hiệu quả.

III. Chế độ báo cáo:

Hàng năm UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo về UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện quy trình lập kế hoạch có sự tham gia, phát hiện những khó khăn, vướng mắc, phản ảnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

TM. Ủy ban nhân dân

KT. Chủ tịch

Phó chủ tịch

Nguyễn Hữu Hoài

Phụ lục: các bảng biểu lập kế hoạch
(Kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 17/ 6 /2008
của UBND tỉnh)

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

Thôn:

Biểu số 1

danh mục Các công trình đầu tư XDCB năm
(Dùng cho thôn)

TT	Hạng mục đầu tư	Thứ tự ưu tiên	Địa điểm	Thời gian (Bắt đầu - Kết thúc)	Kinh phí dự trù (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến (triệu đồng)		Ghi chú
						Đóng góp của dân	Nguồn NSNN	
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								

Lưu ý: Danh mục các công trình xây dựng cơ bản của thôn được thống nhất và xếp theo thứ tự ưu tiên; số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện, trách nhiệm của thôn trong từng công trình; vốn đầu tư, trong đó cần đề xuất phần vốn NSNN và vốn cam kết đóng góp của dân.

Trưởng thôn

Mặt trận TQ (Hoặc cấp uỷ)

Hội Phụ nữ

.....
 (Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

Thôn:

Biểu số 2

Danh mục các nhu cầu dịch vụ công năm
(Dùng cho thôn)

TT	Danh mục dịch vụ công (y tế, khuyến nông, lâm nghiệp, tập huấn, duy tu bảo dưỡng, s/c nhỏ công trình ...)	Thứ tự ưu tiên	Địa điểm	Thời gian (Bắt đầu - Kết thúc)	Kinh phí dự trù (triệu đồng)	Trong đó: Nguồn vốn đề xuất (triệu đồng)		Ghi chú
						Đóng góp của dân	Nguồn vốn NSNN	
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								

Lưu ý: Danh mục các công trình hoạt động dịch vụ công của thôn được thống nhất và xếp theo thứ tự ưu tiên; số lượng, địa điểm, thời gian thực hiện, trách nhiệm của thôn bản trong từng công trình; trong đó cần đề xuất phần vốn NSNN và vốn cam kết đóng góp của dân.

Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mặt trận TQ (hoặc cấp ủy)
.....

Hội Phụ nữ
.....

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

BIỂU SỐ 3

danh mục các công trình xây dựng cơ bản năm
(Dùng cho cấp xã)

TT (và thứ tự ưu tiên sắp xếp ở cấp xã)	Các hạng mục xây dựng cơ bản (được phân nhóm theo nguồn vốn phân bổ tương ứng với từng lĩnh vực)	Thứ tự ưu tiên do cấp thôn xác định	Địa điểm	Thời gian (bắt đầu – kết thúc)	Công suất, quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)		KLHT đến 31/12/năm nay	Đã cấp đến 31/12/năm nay (triệu đồng)		Vốn còn thiếu (triệu đồng)	Nhu cầu vốn trong năm sau (triệu đồng)	Tr. đó: Nguồn vốn (triệu đồng)			Ghi chú
						Tổng cộng	Tr. đó: X L		Tổng cộng	Trong đó: năm nay			Hỗ trợ từ cấp trên	Vốn NS xã	Vốn góp của dân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Công trình hoàn thành															
1																
2																
...																
II	Công trình Chuyển tiếp															
1																
2																
...																
III	Công trình XD mới															
1																
2																
...																

Lãnh đạo UBND xã

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Người lập

(Ký ghi rõ họ tên)

+ ở cột thứ 3 “thứ tự ưu tiên ở thôn ”: Các ưu tiên được ghi ở cột này là kết quả sắp xếp ưu tiên của các thôn; thứ tự ưu tiên do cấp xã xác định sẽ được xác định ở cột 1, trong đó mức độ ưu tiên theo quyết định của xã sẽ được ghi rõ theo thứ tự từ trên xuống.

+ Cần phân biệt rõ giữa ưu tiên của thôn và cấp xã: Có thể dựa vào mức độ cần thiết hay khó khăn của các thôn hoặc có công trình vốn của xã tự huy động và dân tự đóng góp là chủ yếu để xếp thứ tự ưu tiên vì vậy khi lựa chọn xếp theo thứ tự ưu tiên đều phải lấy tiêu chí này để xếp hạng, tránh sự thiên vị hay làm theo cảm tính.

+ Cột thứ tự ưu tiên của cấp xã (cột 1) liên quan đến việc lựa chọn các hạng mục xây dựng cơ bản cấp bách để đưa vào đầu tư. Các hạng mục xây dựng cơ bản được chính quyền cấp xã xem xét ưu tiên cao hơn trong biểu thì sẽ được ưu tiên bố trí vốn và triển khai thực hiện trước.

+ Việc xếp theo thứ tự ưu tiên này rất cần thiết cho công tác theo dõi, đánh giá về sau.

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

Biểu số 4

**Danh mục các nhu cầu dịch vụ công năm
(Dùng cho cấp xã)**

TT	Danh mục các dịch vụ công (y tế, khuyến nông, lâm nghiệp, thú y, tập huấn, duy tu bảo dưỡng, s/c nhỏ công trình....)	Xếp thứ tự ưu tiên	Địa điểm	Thời gian (Bắt đầu - Kết thúc)	Kinh phí dự trù (triệu đồng)	Trong đó: Nguồn vốn đề xuất (triệu đồng)			Ghi chú
						Hỗ trợ từ cấp trên	Ngân sách xã	Đóng góp của dân	
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									

Lãnh đạo UBND xã

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Các hoạt động ưu tiên đã xác định trong kế hoạch của thôn và cấp xã sẽ được trình lên UBND cấp huyện, UBND cấp huyện sẽ xem xét mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động theo danh sách ưu tiên đã xác định.

- ở cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ tổng hợp các ưu tiên về nhu cầu dịch vụ và phân loại những ưu tiên cần hỗ trợ theo từng ban, ngành, đơn vị cung cấp dịch vụ. Sau đó các bản copy sẽ được gửi đến các phòng, ban và các bên cung cấp dịch vụ liên quan để triển khai thực hiện.

UBND huyện:.....

Biểu số 5

**danh mục các công trình xây dựng cơ bản năm
(Dùng cho cấp huyện)**

TT (và thứ tự sắp xếp ở cấp huyện)	Các hạng mục xây dựng cơ bản (được phân nhóm theo nguồn vốn phân bổ tương ứng với từng lĩnh vực)	Thứ tự ưu tiên do cấp xã xác định	Địa điểm	Thời gian (bắt đầu – kết thúc)	Công suất, quy mô thiết kế	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)		KLHT đến 31/12/năm nay	Dự kiến cấp đến 31/12/năm nay (triệu đồng)		Vốn còn thiếu (triệu đồng)	Nhu cầu vốn năm sau (triệu đồng)	Tr.đó: Nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
						Tổng cộng	Trong đó: XL		Tổng cộng	Trong đó: năm nay			Hỗ trợ từ cấp	Vốn NS huyện	Vốn ngân sách xã	Vốn dân góp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công trình hoàn thành																
1																	
...																	
II	Công trình Chuyển tiếp																
1																	
...																	
III	Công trình XD mới																
1																	
...																	

Lãnh đạo UBND huyện
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

+ ở cột thứ 3 “thứ tự ưu tiên ở cấp xã ”: Các ưu tiên được ghi ở cột này là kết quả sắp xếp ưu tiên của các xã; thứ tự ưu tiên do cấp huyện xác định sẽ được xác định ở cột 1, trong đó mức độ ưu tiên theo quyết định của huyện sẽ được ghi rõ theo thứ tự từ trên xuống.

+ Cần phân biệt rõ giữa ưu tiên của cấp xã. Mỗi xã đều có các điều kiện thuận lợi, khó khăn khác nhau; có thể mức độ cần thiết hay khó khăn của xã này không bằng mức độ cần thiết hay khó khăn của xã kia vì vậy khi lựa chọn xếp theo thứ tự ưu tiên đều phải lấy tiêu chí này để xếp hạng, tránh sự thiên vị hay làm theo cảm tính.

+ Cột thứ tự ưu tiên của cấp huyện (cột 1) liên quan đến việc lựa chọn các hạng mục xây dựng cơ bản cấp bách để đưa vào đầu tư. Các hạng mục xây dựng cơ bản được chính quyền cấp huyện xem xét ưu tiên cao hơn trong biểu thì sẽ được lựa chọn bố trí vốn và triển khai thực hiện trước.

+ Việc xếp theo thứ tự ưu tiên này rất cần thiết đối với công tác theo dõi, đánh giá về sau.

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

Biểu số 6
Biểu số liệu cơ bản năm
(Dùng cho cấp xã)

Số TT	Đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Ghi chú
1	A	Tình hình sử dụng đất					
2	I	Tổng diện tích tự nhiên	Ha				
3	II	Đất nông nghiệp	"				
4	1	Đất trồng cây hàng năm	"				
5	+	Đất lúa 1 vụ	"				
6	+	Đất lúa 2 vụ	"				
7	+	Đất màu	"				
8	+	Đất nương rẫy	"				
9	+	Đất trồng cây hàng năm khác	"				
10	2	Đất vườn tạp	"				
11	3	Đất trồng cây lâu năm	"				
12	4	Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	"				
13	III	Đất lâm nghiệp	"				
14	1	Đất có rừng tự nhiên	"				
15	2	Đất có rừng trồng	"				
16	3	Đất ươm cây trồng	"				
17	IV	Đất có mặt nước NTTS	"				
18	V	Đất chuyên dùng	"				
19	1	Đất xây dựng	"				
20	2	Đất đường giao thông	"				

Số TT	Đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Ghi chú
21	3	Đất thủy lợi	"				
22	4	Các loại đất khác	"				
23	VI	<i>Đất thổ cư</i>	"				
24	1	Đất ở đô thị	"				
25	2	Đất ở nông thôn	"				
26	VII	<i>Đất chưa sử dụng</i>	"				
27	1	Đất bằng	"				
28	2	Đất đồi núi	"				
29	3	Đất có mặt nước	"				
30	4	Đất chưa sử dụng khác	"				
31	B	Một số số liệu cơ bản khác					
32	1	Tổng số thôn/xã	Thôn				
33	2	Tổng số hộ/xã	Hộ				
34	C	Số liệu kết cấu hạ tầng					
35	1	<i>Giao thông</i>					
36	-	Đường liên thôn	Km				
37		Tr.đó:+ Đường bê tông	"				
38		+ Đường đất	"				
39	-	Đường liên xã	"				
40		Tr.đó: +Đường nhựa, bê tông	"				
41		+Đường cấp phối	"				
42		+Đường đất	"				
43	2	<i>Thủy lợi</i>					

Số TT	Đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Ghi chú
44	-	Số công trình thủy lợi	C.Tr				
45	-	Dung tích thiết kế	Tr.m ³				
46	3	<i>Nước sinh hoạt</i>					
47	-	Số hộ có giếng nước hợp VS	Hộ				
48	-	Số công trình nước SH tập trung	C.Tr				
49	-	Số hộ có bể nước	Hộ				
50	4	<i>Điện lưới</i>					
51	-	Số thôn có điện	Thôn				
52	-	Số trạm biến áp	Trạm				
53	-	Số km đường hạ thế	Km				
54	5	<i>Bưu điện</i>					
55	-	Số bưu điện văn hoá xã	Điểm				
56	-	Số máy điện thoại/ xã	máy				
57	D	Số liệu về kinh tế- xã hội					
58	1	<i>Thương mại- dịch vụ</i>					
59	-	Số chợ / xã	Chợ				
60	-	Số hộ có xe con	Hộ				
61	-	Số hộ có ô tô tải	Hộ				
62	-	Số hộ có ô tô khách	“				
63	-	Số hộ có xe vận tải nhỏ	“				
64	-	Số hộ dịch vụ sửa chữa	“				
65	-	Số hộ buôn bán	“				
66	2	<i>Giáo dục</i>					
67	-	Số giáo viên: +TH	G.viên				

Số TT	Đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Ghi chú
68		+THCS	"				
69	-	Số trường học đạt chuẩn quốc gia + TH	Trường học				
70		+ THCS	"				
71	3	Y tế					
72	-	Số cán bộ y tế	Người				
73	-	Số hộ có hồ xí hợp vệ sinh	Hộ				
74	4	Văn hoá thông tin					
75	-	Số thôn có nhà văn hoá	Thôn				
76	-	Số trạm phát lại truyền hình	Trạm				
77	-	Số đội văn nghệ	Đội				

Lãnh đạo UBND xã
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký ghi rõ họ tên)

UBND huyện:.....

UBND xã:.....

Biểu số 7

Biểu tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm.... (Dùng cho cấp xã)

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	A	<u>Chỉ tiêu về Nông lâm, ngư nghiệp</u>						
2	I	<u>nông nghiệp</u>						
3	1	<u>Giá trị SX nông nghiệp</u> <i>(giá cố định 1994)</i>						
4	2	<u>Trồng trọt</u>						
5	a	<u>Cây lương thực</u>						
6		- Tổng sản lượng lương thực	Tấn					
7		Trong đó: Thóc	"					
8		BQ lương thực đầu người/năm	Kg/ng					
9		- Lúa cả năm: Diện tích	Ha					
10		Tr.đó: Giống mới	"					
11		Năng suất	Tạ/ha					
12		Sản lượng	Tấn					
13		Trong đó: Lúa Đông Xuân						
14		Diện tích	Ha					
15		Tr.đó: Giống mới	Ha					
16		Năng suất	tạ/ha					
17		Sản lượng	Tấn					
18		- Ngô cả năm: Diện tích	Ha					
19		Tr. đó: Ngô vụ Đông	Ha					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
20		Năng suất	tạ/ha					
21		Sản lượng	Tấn					
22		Tr. đó: Ngô Đông xuân						
23		Diện tích	Ha					
24		Năng suất	Tạ/ha					
25		Sản lượng	Tấn					
26	b	<u>Cây chất bột có củ</u>						
27		-Khoai lang cả năm : Diện tích	Ha					
28		Năng suất	tạ/ha					
29		Sản lượng	Tấn					
30		Tr. đó: Vụ Đông xuân						
31		Diện tích	Ha					
32		Năng suất	Tạ/ha					
33		Sản lượng	Tấn					
34		-Sắn cả năm: Diện tích	Ha					
35		Năng suất	tạ/ha					
36		Sản lượng	Tấn					
37		Tr. đó: Sắn công nghiệp						
38		Diện tích	Ha					
39		Năng suất	tạ/ha					
40		Sản lượng	Tấn					
41		-Khoai khác cả năm:-Diện tích	Ha					
42		-Năng suất	tạ/ha					
43		- Sản lượng	Tấn					
44	c	<u>Cây CN ngắn ngày,rau đậu</u>						
45		- Lạc cả năm: Diện tích	Ha					
46		Năng suất	tạ/ha					

TT	Tên đề mục	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
47		Sản lượng	Tấn					
48		Tr. đó: Lạc vụ Đông xuân						
49		Diện tích	Ha					
50		Năng suất	Tạ/ha					
51		Sản lượng	Tấn					
52		- Ớt cả năm: Diện tích	Ha					
53		Năng suất	tạ/ha					
54		Sản lượng	Tấn					
55		- Cây mía: Diện tích	Ha					
56		Năng suất	tạ/ha					
57		Sản lượng	Tấn					
58		- Đậu các loại: Diện tích	Ha					
59		Năng suất	tạ/ha					
60		Sản lượng	Tấn					
61	d	<u>Cây CN dài ngày và cây ăn quả</u>						
62		- Cao su: + Diện tích	Ha					
63		Trong đó: Trồng mới	Ha					
64		KTCB	Ha					
65		Kinh doanh	Ha					
66		+ Sản lượng	Tấn					
67		- Hồ tiêu: + Diện tích	Ha					
68		Trong đó: Kinh doanh	Ha					
69		+ Sản lượng	Tấn					
70		- Chè + Diện tích	Ha					
71		+ Sản lượng	Tấn					
72		- Cây ăn quả: + Diện tích	Ha					
73		+ Sản lượng	Tấn					
74		Tr.đó: Các cây trồng chính (Diện tích và sản lượng)						

TT	Tên đề mục	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
							
75	3	<u>Chăn nuôi (có đến 1/4)</u>						
76		- Đàn trâu	con					
77		- Đàn bò	con					
78		Tr.đó: Bò lai sind	"					
79		- Đàn lợn	"					
80		- Đàn dê	"					
81		- Đàn gia cầm	1000con					
82		- Đàn ong	đàn					
83		- Sản phẩm chăn nuôi						
84		+ Thịt hơi xuất chuồng	Tấn					
85		+ Sản lượng mật ong	Kg					
86		+ Trứng	1000 quả					
87	4	<u>Thủy nông</u>						
88		Diện tích được tưới	Ha					
89		Trong đó: vụ Đông xuân	"					
90	II	<u>Lâm nghiệp</u>						
91	1	Giá trị sản xuất lâm nghiệp (<i>giá cố định 1994</i>)	Tr.đồng					
92	2	Diện tích trồng mới rừng tập trung	Ha					
93	3	Diện tích trồng cây phân tán	1000.cây					
94	4	Diện tích chăm sóc rừng trồng	Ha					
95	5	Diện tích rừng khoanh nuôi	"					
96	6	Diện tích giao bảo vệ rừng	"					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
97	V	<u>Thủy sản</u>						
98	1	Giá trị sản xuất thủy sản <i>(giá cố định 1994)</i>						
99	2	Sản lượng đánh bắt thủy hải sản	Tấn					
100	3	Sản lượng nuôi trồng	"					
101	4	Diện tích nuôi trồng	Ha					
102		Trong đó: - Nuôi mặn lợ	"					
103		Riêng: Thâm canh	"					
104		- Nuôi nước ngọt	"					
105	5	Số lồng nuôi cá	Lồng					
106	6	Số lượng tàu đánh cá	Chiếc					
107	B	<u>Công nghiệp-TTCN</u>						
108	1	<u>Giá trị SX công nghiệp-TTCN</u> <i>(giá cố định 1994)</i>	Tr.đồng					
109	2	<u>Các sản phẩm chủ yếu</u>						
110		- Xi măng PC30	1000T					
111		- Bia	1000L					
112		- Gạch nung	1000v					
113		- Ngói nung	1000v					
114		- Đá hộc các loại	1000 m3					
115		- Cát, sỏi, sạn	"					
116		- Xay xát lương thực	Tấn					
117		- Mặt mây	m2					
118		- Đồ mây tre đan	"					
119		- Hải sản đông	Tấn					
120		- Hải sản khô	Tấn					
121		- Chế biến nước mắm	lít					
12		- Nước khoáng, nước lọc	1000L					

TT	Tên đề mục	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
2								
123		- Quần áo may sẵn	1000sp					
124		- Gỗ xẻ các loại	m3					
125		- Đồ mộc dân dụng	m3					
126		- Đá xay	m3					
127		- Nông cụ cầm tay	chiếc					
128		- Đồ sắt xây dựng.....	m2					
129	c	Thương mại- dịch vụ						
130	1	<u>Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn</u>	Tr.đồng					
131	2	<u>Kinh doanh xuất khẩu</u>						
132		- Giá trị ngoại tệ xuất khẩu	USD					
133		- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu:						
134		+ Cao su	Tấn					
135		+ Hải sản đông	"					
136		+ Hải sản khô.....	"					
137	3	<u>Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và du lịch</u>						

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
138		- Doanh thu khách sạn, nhà hàng	Tr.đồng					
139		- Doanh thu du lịch	"					
140		- Số lượng khách du lịch	Người					
141		Tr.đó: Khách quốc tế	"					
142	D	<u>Vận tải hàng hoá và hành khách</u>						
143		- Vận tải hàng hoá						
144		+ Khối lượng vận chuyển	1000t					
145		+ Khối lượng luân chuyển	1000t/km					
146		- Vận tải hành khách						
147		+ Hành khách vận chuyển	1000hk					
148		+ Hành khách luân chuyển	1000hk/km					
149	E	<u>Thu chi ngân sách</u>						
150		- Thu ngân sách trên địa bàn	Tr. đồng					
151		+ Trong đó: Thuế ngoài QD	"					
152		Thuế SDD-N.nghiệp...	"					
15		- Chi ngân sách địa	"					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
3		phương						
154		Tr.đó: Chi đầu tư phát triển	"					
155		Chi thường xuyên	"					
156	G	<u>Giáo dục đào tạo</u>						
157	1	Nhà trẻ, mẫu giáo						
158		-Số nhà, nhóm trẻ	nhà					
159		-Số trường mẫu giáo	trường					
160		-Số cháu vào nhà trẻ	Cháu					
161		-Tỷ lệ cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ	%					
162		-Số cháu vào mẫu giáo	Cháu					
163		-Tỷ lệ cháu trong độ tuổi vào mẫu giáo	%					
164	2	Giáo dục phổ thông						
165	a	Trường học						
166		- Tiểu học	Trường					
167		- Trung học cơ sở	"					
168		- Phổ thông cơ sở	"					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
169	b	Lớp học						
170		- Tiểu học	Lớp					
171		- Trung học cơ sở	"					
172	c	Số học sinh có mặt đầu năm	Hs					
173		- Tiểu học	"					
174		Tr.đó: Tỷ lệ huy động vào lớp 1	%					
175		- Trung học cơ sở	Hs					
176		Tr.đó: Tỷ lệ huy động vào lớp 6	%					
177	3	Giáo dục thường xuyên						
178		- Số người được xoá mù	Người					
179		- Số người được học BTVH	"					
180		Tr.đó: + THCS	"					
181		+ TH	"					
182		- Số người mù chữ trong độ tuổi (từ 15-35)	"					
183		+ Tỷ lệ so trong độ tuổi	%					
18	H	Dân số KHH gia đình và						

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
4		<u>lao động</u>						
185		- Dân số trung bình	Người					
186		Tr. đó:+ Dân tộc ít người	"					
187		+ Nữ	"					
188		- Số trẻ em sinh ra trong năm	cháu					
189		- Số người bị tử vong	người					
190		- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%o					
191		- Giảm tỷ suất sinh so với năm trước	%o					
192		- Số phụ nữ dùng biện pháp tránh thai	Người					
193		- Số cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai	Cặp					
194		- Dân số trong độ tuổi lao động	Người					
195		- LĐ đang làm việc trong các ngành KT	"					
196		- Số lao động không có việc làm	"					
197		- Số lao động được đào tạo	"					
198	I	<u>Y tế</u>						
199		- Tổng số giường trạm xá	Giường					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
200		- Số bác sĩ / trạm xá	Bác sĩ					
201		- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng.	%					
202		- Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng	%					
203		- Tỷ lệ phụ nữ tử vong do thai sản	"					
204		- Số người mắc bệnh sốt rét	Người					
205		- Số trẻ em 8-10 tuổi mắc bệnh bướu cổ	Cháu					
206		- Số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Cháu					
207		- Số người mắc bệnh xã hội	Người					
208		- Số hộ dùng nước hợp vệ sinh	Hộ					
209		- Số hộ có hố xí hợp vệ sinh	Hộ					
210	K	<u>Văn hoá thông tin-TDĐT</u>						
211		- Số thôn, làng đạt chuẩn văn hoá	Thôn					
212		- Số hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá	Hộ					
213		- Số người tập TDĐT thường xuyên	Người					
214	L	<u>Đời sống dân cư</u>						
21		- Số hộ có ti vi	Hộ					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
5								
216		- Số hộ có radio	"					
217		- Số hộ có xe máy	"					
218		- Số hộ có điện sáng	"					
219		- Số hộ có điện thoại	"					
220		- Số hộ có nhà tạm	"					
221	M	<u>Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và các vấn đề khác</u>						
222	1	Giải quyết việc làm						
223		- Số hộ được vay vốn giải quyết việc làm	Hộ					
224		- Số lao động được giải quyết việc làm	người					
225	2	Xoá đói giảm nghèo						
226		- Số hộ nghèo	Hộ					
227		- Tỷ lệ hộ nghèo	%					
228		- Số hộ thoát nghèo trong năm	Hộ					
229		- Số hộ tái nghèo	"					
230		- Số hộ nghèo được hỗ trợ sản xuất	"					

TT	Tên đề mục	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Ước TH năm nay	KH năm sau	Tốc độ tăng: cột 6/5 (%)	Tốc độ tăng: cột 7/6 (%)
23 1		- Số hộ nghèo được trợ cấp XH	"					
23 2		- Số hộ nghèo được cấp sổ BHYT	"					
23 3		- Thu nhập bình quân các hộ	1000đ					
23 4		Tr.đó: + Hộ nghèo	"					
23 5		+ Hộ trung bình	"					
23 6		+ Hộ khá	"					
23 7	3	Vấn đề giới						
23 8		- Tỷ lệ cán bộ nữ là đại biểu HĐND huyện,xã.	%					
23 9		- Tỷ lệ cán bộ nữ làm trong cơ quan NN huyện, xã	"					

Lãnh đạo UBND xã
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC BỔ SUNG

-----*****-----

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN BỐ CỤC BẢN BÁO CÁO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH CẤP XÃ CÓ SỰ THAM GIA NĂM SAU

Tên báo cáo:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM NAY VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KTXH NĂM SAU**

I. Nội dung phần thuyết minh kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM NAY

A- Tình hình KTXH đến kỳ báo cáo của kế hoạch năm nay

I- Kết quả thực hiện 1 số chỉ tiêu chủ yếu:

- + Nông lâm ngư, công nghiệp, TTCN, thương mại dịch vụ.
- + Tài nguyên, môi trường
- + Công tác đầu tư XD CB.
- + Thu chi ngân sách.
- + Các lĩnh vực VHXX, CCHC, QPAN và trật tự an toàn xã hội.
- + Sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND các cấp và lĩnh vực khác.

B- Dự báo thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm nay và 1 số nhiệm vụ thực hiện trong những tháng còn lại cuối năm nay.

Phần thứ hai

Định hướng kế hoạch phát triển KTXH năm sau

I- Những thuận lợi, khó khăn khi bước vào xây dựng kế hoạch.

II- Những mục tiêu chủ yếu:

- Mục tiêu phát triển.
- Các chỉ tiêu chủ yếu.

III- Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực :

- Nông lâm ngư, công nghiệp-TTCN, thương mại dịch vụ.
- Tài nguyên, môi trường.
- Công tác đầu tư XDCH.
- Thu chi ngân sách.
- Các lĩnh vực VHXH, CCHC, QPAN và trật tự an toàn XH.
- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND các cấp và lĩnh vực khác.

IV- Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch KTXH năm sau.

Phần thứ ba

Những kiến nghị đề xuất

- Đề xuất đối với huyện
- Đề xuất đối với tỉnh

II - Hệ thống các biểu bảng số liệu KTXH và XDCH

(Theo biểu mẫu đã hướng dẫn kèm theo)

Phu lục 2

Phiếu chấm điểm

Xác định thứ tự ưu tiên với các công trình xây dựng cơ bản

(Dùng tại hội nghị cấp xã)

TT	Danh mục công trình	Chấm điểm (1)	Xếp thứ tự ưu tiên (2)	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Kinh phí dự trù (triệu đ)	Nguồn vốn dự kiến	Tr.đó: phân chia các nguồn vốn
1		9	2						
2		10	1						
3		4	7						
4		5	6						
5		8	3						
6		3	8						
7		7	4						
8		6	5						
9		1	10						
10		2	9						

Ghi chú:

- (1) Cách chấm điểm: Chấm điểm theo thang điểm 10, công trình ưu tiên.
- (2) Sau khi chấm điểm xong, công trình nào có số điểm cao nhất được xếp thứ 1, sau đó xếp thứ 2,3...
- Tiêu chí để chấm điểm: Mỗi thôn trong xã đều có các điều kiện thuận lợi, khó khăn khác nhau; vì vậy có thể căn cứ vào mức độ cần thiết hay khó khăn của các thôn hoặc có công trình vốn xã huy động và dân tự đóng góp là chủ yếu để ưu

tiên làm trước. Do đó khi lựa chọn xếp theo thứ tự ưu tiên đều phải lấy tiêu chí này để xếp hạng, tránh sự thiên vị hay làm theo cảm tính.

- Biểu này được chuẩn bị đầy đủ các thông tin để phát cho thành viên hội nghị trước khi chấm điểm.

Phu lục 3

UBND huyện:.....
UBND xã:.....

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu Biên bản họp xã/huyện Tổng nhất kế hoạch phát triển KTXH có sự tham gia

Ngày tiến hành: Ngày.....tháng.....năm 200.....

Thời gian: Từ..... h.....đếnh.....

Địa điểm: Tại hội trường.....

Chủ trì cuộc họp: Ông/bà:.....Chức vụ:.....

Người ghi biên bản:.....

Thành phần tham gia:

- Lập kế hoạch cấp huyện:

- Lập kế hoạch cấp xã:

- Tổng số đại biểu tham gia:.....người, trong đó:nam; nữ (có danh sách kèm theo)

I. Nội dung: Thảo luận kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp huyện, xã.

Chủ trì cuộc họp: Đặt vấn đề nội dung, chủ trì hội nghị.

Trình bày bản báo cáo: Đại diện UBND xã/huyện báo cáo, nội dung kế hoạch.

- Nêu tóm tắt những kết quả đạt được của năm đang thực hiện kế hoạch, những vấn đề chưa đạt được, còn tồn tại.

- Nêu các chỉ tiêu chủ yếu và tóm tắt định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kế hoạch năm sau.

II. Các ý kiến thảo luận của các đại biểu, cần đi sâu vào các vấn đề sau:

1. Đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, những vấn đề chưa đạt được để từ đó rút kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện, trong việc đề ra các mục tiêu cho phù hợp.

2. Đánh giá tính hợp lý, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm sau so với nội lực của xã, huyện, kết hợp với nguồn hỗ trợ từ cấp trên.

3. Đánh giá sự phù hợp của các ưu tiên trong bản kế hoạch, tính hợp lý của tiến độ thực hiện các chỉ tiêu và các công trình dự án.

4. Đánh giá tính khả thi của các giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra:

5. Kết quả lựa chọn các danh mục dự án, các hoạt động ưu tiên (Bỏ phiếu, chấm điểm để lựa chọn ở cấp xã)

6. Các ý kiến đề xuất, kiến nghị để thực hiện tốt bản kế hoạch.

III. Kết luận:

Chủ trì cuộc họp kết luận:

- Thống nhất các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch KTXH năm sau.
- Thống nhất danh mục các hoạt động và công trình ưu tiên của năm sau.

IV. Kiến nghị của UBND xã/huyện đối với cấp trên:

T/M UBND xã/huyện

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người ghi biên bản

(Ký và ghi rõ họ tên)

